TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/ 2025/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Trần Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa*: Trương Ngọc Thảo Nguyên- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37 ngày 15 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1982; Căn cước công dân: 017182010699 cấp ngày 08/8/2024; Địa chỉ: Số E N, phường P (Nay Phường A), thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1983; Căn cước công dân: 048083001418 cấp ngày: 10/02/2022. Địa chỉ: Tổ C phường H, (nay phường N), TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2022. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, TP Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của cả hai không phù hợp nhau, nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu thuẫn như vậy kéo dài đến nay vẫn không thay đổi, hiện vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay bà H xác định tình cảm không còn yêu thương ông T nữa, nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 01 con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày: 15/12/2023. Ly hôn, Bà H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/ tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có ý kiến tại hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, bị đơn không chấp hành đúng.

Căn cứ vào Điều 56, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương H đối với ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phương H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao Nguyễn Đức A, sinh ngày: 15/12/2023 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không xác định được có hay không tài sản chung và nợ chung nên không đề cập đến, khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2022. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, TP Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của cả hai không phù hợp nhau, nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu thuẫn như vậy kéo dài đến nay vẫn không thay đổi, hiện vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay bà H xác định tình cảm không còn yêu thương ông T nữa, nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được

điều này. Hiện vợ chồng đã tự sống ly thân nhau càng tạo thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn T tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn của bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là phù hợp với điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày: 15/12/2023. Ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/ tháng. Xét yêu cầu nuôi con thì thấy, hiện nay cháu Đức A đang ở ổn định với bà H và còn nhỏ không nhất thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu, do đó thấy giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H yêu cầu ông T trợ cấp 2.000000đồng /tháng, thấy mức cấp dưỡng phù hợp pháp luật nên chấp nhận, buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng này là phù hợp.

[7] Về Tài sản chung và nợ chung không có. Tuy nhiên ông T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của ông để đảm bảo quyền lợi các đương sự HĐXX không đề cập đến, nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng (nay Thi hành án dân sự thành phố Đ) theo biên lai thu số 0003675 ngày 14 tháng 5 năm 2025. án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Phương H đối với ông Nguyễn Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phương H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Đức A, sinh ngày: 15/12/2023 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến, nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng (Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) theo biên lai thu

số 0003675 ngày 14 tháng 5 năm 2025; án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 2- ĐN
- Thi hành án dân sự TPĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh